TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI
Bản án số: 08/2019/DS- ST
Ngày: 27/8/2019
V/v Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Việt;

2/ Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2019/TLST-DSST, ngày 28 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST - DS, ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2019/QĐST - DS, ngày 30/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện M giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng S

Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 3966/2018/GUQ - PL ngày 10/12/2018.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Vũ T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 218/2018/QĐ - CNQNI, ngày 29/12/2018 và bà Thái Thị L, chức vụ: Phó phòng kiểm sát rủi ro theo văn bản ủy quyền số 91/2019/GUQ- QNI ngày 10/5/2019.

Địa chỉ: 449 Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Kim N.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng S

Địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 3966/2018/GUQ - PL ngày 10/12/2018.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Vũ T, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Quảng Ngãi theo văn bản ủy quyền số 218/2018/QĐ - CNQNI, ngày 29/12/2018 và bà Thái Thị L,chức vụ: Phó phòng kiểm sát rủi ro theo văn bản ủy quyền số 91/2019/GUQ- QNI ngày 10/5/2019.

Địa chỉ: 449 Q, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 02 (hai) không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2018, các lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thái Thị L trình bày:

Vào ngày 07/12/2017, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1733900662 với Ngân hàng S để vay số tiền 1.750.000.000đ; thời hạn 12 tháng; lãi suất 0,833% trong 03 tháng đầu, tháng thứ 04 thì lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng cộng biên độ là 0.35%/tháng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 345, tờ bản đồ số 32, diện tích sử dụng 158,4m^2 tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi đã được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông T bà N số BO 531574 ngày 11/9/2013 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1420900184 ngày 07/8/2014 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông T và bà N đã không trả tiền lãi và gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T và bà N phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 1.750.000.000đ và nợ lãi trong hạn là 87.807.329đ và lãi chậm trả tính đến ngày 27/8/2019 là 217.906.507đ. Ngoài ra, ông T bà N còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng S theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông T bà N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm tiền vay sau khi xử lý nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T bà N còn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Scho đến khi trả xong các khoản nợ.

Bị đơn là ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt cũng như không nộp cho Tòa văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ cho Tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Người có quyền, lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng S trình bày:

Ngày 28/12/2017 Ngân hàng S có thuê của ông T, bà N 50m^2 mặt bằng căn nhà trên thửa đất 345, tờ bản đồ số 32 tại thôn T, xã Đ, huyện M theo Hợp đồng thuê nhà số 351/2017/HĐTN-CNGL ngày 28/12/2017, thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01/01/2018 đến 01/01/2021 để đặt 01 trụ ATM của Ngân hàng S. Tuy nhiên, do trụ ATM hoạt động không có hiệu quả nên Ngân hàng S đã di dời trụ ATM nói trên. Đối với Hợp đồng thuê nhà số 351/2017/HĐTN-CNGL ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng với ông T bà N là một giao dịch dân sự khác, không liên quan trong vụ kiện này nên Ngân hàng không có yêu cầu gì, khi có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện ở một vụ kiện khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S số tiền 2.055.713.836đ, trong đó: 1.750.000.000đ nợ gốc; 87.807.329đ lãi trong hạn, 217.906.507đ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/8/2019 và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng S theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại giai đoạn thi hành án để thu hồi nợ; tài sản xử lý theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1420900184 ngày 07/8/2014 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp giữa hai bên. Sau khi xử lý tài sản bảo đảm nếu không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà N còn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến

khi trả xong nợ. Ngoài ra các đương sự chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn thông qua thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T và bà N không có mặt để tham gia tố tụng. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

Ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, ông T và bà N phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Ngày 07/12/2017 Ngân hàng S và ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Kim N có ký Hợp đồng tín dụng LD1733900662, theo đó Ngân hàng đã giải ngân cho ông T bà N vay số tiền 1.750.000.000đ để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn 12 tháng; lãi suất 0,833% trong 03 tháng đầu, tháng thứ 04 thì lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng của Ngân hàng cộng biên độ là 0.35%/tháng.

Xét thấy, việc ký kết Hợp đồng tín dụng LD1733900662 giữa Ngân hàng S và ông T bà N là đúng thực tế, hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết hợp đồng; việc thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng ông T bà N đã không trả tiền lãi và gốc theo thỏa thuận. Từ khi vay đến nay, ông T bà N mới trả lãi đến ngày 25/6/2018 và ông T bà N cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng đã ký kết là có căn cứ quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận, theo đó: Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 1.750.000.000đ; 87.807.329đ lãi trong hạn; 217.906.507đ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 27/8/2019 và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng S theo mức

lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[2.2] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD 1420900184, ngày 07/8/2014 giữa Ngân hàng S và ông T bà N được chứng thực ngày 07/8/2014 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp giữa hai bên và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh huyện M vào ngày 08/8/2014, có đầy đủ chữ ký của ông T bà N theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp ông T bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án là có căn cứ quy định tại các Điều 299,317, 323,500 Bộ Luật dân sự 2015 nên được HĐXX chấp nhận, cụ thể tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 32, diện tích 158,4m^2 ở thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 531574 do UBND huyện M cấp ngày 11/9/2013.

Đối với Hợp đồng thuê nhà số 351/2017/HĐTN-CNGL ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng S với ông T bà N, thời hạn thuê là 03 năm từ ngày 01/01/2018 đến 01/01/2021, diện tích thuê là 50m^2 mặt bằng căn nhà trên thửa đất 345, tờ bản đồ 32 xã Đ, huyện M là một giao dịch dân sự khác, không liên quan trong vụ kiện này và Ngân hàng S cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thuê nhà nói trên, khi nào có phát sinh tranh chấp Ngân hàng sẽ khởi kiện ở một vụ kiện khác. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng khác:

[3.1] Đối với chi phí đo đạc số tiền 2.350.000đ nguyên đơn tự nguyện chịu, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3.2] Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000đ, tại Khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận".* Trong vụ án này, yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên ông T bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông T bà N có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Ngân hàng S không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng S đã nộp theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 299, 317, 323,463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 90, 91, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S. Buộc ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị Kim N phải trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc là 1.750.000.000đ và nợ lãi là 305.713.836đ (trong đó: Có 87.807.329đ lãi trong hạn và 217.906.507đ lãi chậm trả). Tổng cộng, ông T bà N phải trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 2.055.713.836đ *(Hai tỷ không trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm mười ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng)* và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng LD1733900662, ngày 07/12/2017.

2. Trường hợp ông T bà N không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 345, tờ bản đồ số 32, diện tích 158,4m^2 tại thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi theo giấy chứng nhận QSDĐ số BO 531574 do UBND huyện M cấp ngày 11/9/2013*(Cụ thể có bản vẽ kèm theo).*

Sau khi xử lý tài sản thế chấp nếu không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T bà N phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng S đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với Hợp đồng thuê nhà số 351/2017/HĐTN-CNGL ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng S với ông T, bà N. Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

3. Về chi phí tố tụng khác: Ông T và bà N phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên ông T bà N có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*.

4. Về án phí: Ông T bà N phải chịu 73.114.300đ (làm tròn 73.114.000đ) *(Bảy mươi ba triệu một trăm mười bốn nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 32.592.000đ *(Ba mươi hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003817 ngày 25/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2019), đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Vân

Thành viên Hội đồng xét xử: **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:**

Nguyễn Hồng Thanh **Nguyễn Văn Việt** **Nguyễn Thị Bích Vân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Kính gửi: Lãnh đạo cơ quan.

Báo vụ án xét xử sáng ngày 27/8/2019

Vụ án dân sự thụ lý số: 09/2019/TLST- DS ngày 28/01/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Tâm, chức vụ: ……theo văn bản ủy quyền số 1565/2018/GUQ - PL ngày 06/6/2018.

Người được ủy quyền lại: Bà Thái Thị Lan, chức vụ: Phó phòng kiểm sát rủi ro theo văn bản ủy quyền số 91/2019/GUQ- QNI ngày 10/5/2019. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Thịnh, bà Nguyễn Thị Kim Ngoan. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Tâm , chức vụ: ……theo văn bản ủy quyền số 1565/2018/GUQ - PL ngày 06/6/2018.

Người được ủy quyền lại: Bà Thái Thị Lan, chức vụ: Phó phòng kiểm sát rủi ro theo văn bản ủy quyền số 91/2019/GUQ- QNI ngày 10/5/2019. (Có mặt).

Nôi dung vụ án:

Vào ngày 07/12/2017, ông Phạm Văn Thịnh và bà Nguyễn Thị Kim Ngoan với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (viết tắt là Ngân hàng Sacombank) ký kết Hợp đồng tín dụng số LD173390062 để vay số tiền 1.750.000.000đ để bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn 12 tháng; lãi xuất 0,833% trong 03 tháng đầu, tháng thứ 04 thì theo lãi suất huy động vốn của Ngân hàng.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Văn Thịnh và bà Nguyễn Thị Kim Ngoan đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số LD1420900184 ngày 07/8/2014 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp, theo đó tài sản thế

chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 345, tờ bản đồ số 32, diện tích sử dụng 158m^2 tọa lạc tại thôn Thạch Trụ Tây, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Thịnh và bà Ngoan đã không trả tiền lãi và gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng.Do đó, Ngân hàng Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông Thịnh và bà Ngoan phải trả cho Ngân hàng Sacombank số tiền nợ gốc là 1.750.000.000đ và nợ lãi là .....đ (trong đó, có .....đ lãi trong hạn và .....đ lãi chậm trả tính đến ngày 27/8/2019). Trường hợp ông Thịnh bà Ngoan không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng tại giai đoạn thi hành án.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh.

Đối với Hợp đồng thuê nhà số 351/2017/HĐTN-CNGL ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng Sacombank với ông Thịnh, bà Ngoan. Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

Nhận định của TP: Do Bị đơn vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD17339006 nên ngân hàng khởi kiện là có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn Thịnh, bà Nguyễn Thị Kim Ngoan phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ gốc là 1.750.000.000đ và nợ lãi là .....đ (trong đó: có .....lãi trong hạn và .....đ lãi chậm trả). Tổng cộng, ông Thịnh bà Ngoan phải trả cho Ngân hàng cả gốc và lãi tính đến ngày 27/8/2019 là 1…….. *(Một tỷ ……đồng)* và tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2019 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng LD173390062, ngày 07/12/2017.

Xử lý tài sản thế chấp theo thỏa thuận trong HĐTC

Chi phí tố tụng khác, án phí

TP. Nguyễn Thị Bích Vân.